

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>150,740,339,644</b>	<b>150,044,272,772</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>9,149,084,800</b>	<b>2,837,688,433</b>
1. Tiền	111		9,149,084,800	2,837,688,433
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>58,854,594,967</b>	<b>69,912,030,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59,884,389,967	71,004,920,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,029,795,000)	(1,092,890,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>46,040,469,241</b>	<b>43,360,821,696</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		38,658,915,123	34,001,457,021
2. Trả trước cho người bán	132		274,427,381	76,951,286
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		7,421,492,543	9,596,779,196
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(314,365,807)	(314,365,807)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>15,974,596,095</b>	<b>6,325,800,268</b>
1. Hàng tồn kho	141		15,974,596,095	6,325,800,268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>	<b>20,721,594,541</b>	<b>27,607,932,375</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,284,152,244	411,216,006
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		171,007,605	6,584,514,202
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		19,266,434,692	20,612,202,167

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>163,476,626,486</b>	<b>160,991,625,065</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34,790,069,241</b>	<b>54,577,708,156</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	34,524,614,530	41,681,888,387
- Nguyên giá	222		52,472,516,818	59,074,971,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,947,902,288)	(17,393,082,976)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	111,018,855	124,341,123
- Nguyên giá	228		201,191,977	201,191,977
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90,173,122)	(76,850,854)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	154,435,856	12,771,478,646
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>59,535,706,261</b>	<b>39,535,706,261</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		39,535,706,261	39,535,706,261
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69,150,850,984</b>	<b>66,878,210,648</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	67,587,362,559	65,314,722,223
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	1,208,553,825	1,208,553,825
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.11	354,934,600	354,934,600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>314,216,966,130</b>	<b>311,035,897,837</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>165,173,949,982</b>	<b>163,852,614,774</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128,104,474,068</b>	<b>129,213,340,442</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	64,242,220,069	80,859,957,700
2. Phải trả cho người bán	312		61,491,395,813	35,777,537,263
3. Người mua trả tiền trước	313		786,605,526	375,283,967
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	540,538,953	395,762,698
5. Phải trả người lao động	315		344,301,677	381,627,400
6. Chi phí phải trả	316	V.14	304,013,431	218,897,766
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	395,398,600	11,204,273,648
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37,069,475,914</b>	<b>34,639,274,332</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.16	34,423,450,914	31,993,249,332
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	2,646,025,000	2,646,025,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>149,043,016,147</b>	<b>147,183,283,063</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>149,043,016,147</b>	<b>147,183,283,063</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119,999,950,000	119,999,950,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,475,046,700	21,475,046,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(14,642,084)	(47,710,349)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		795,981,086	795,981,086
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,193,971,629	1,193,971,629
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		530,654,057	530,654,057
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,062,054,759	3,235,389,940
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>314,216,966,130</b>	<b>311,035,897,837</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	V.01	-	2,294.65
USD			2,294.65

Ngày 10 tháng 10 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Sơn



Nguyễn Quang Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	211,730,676,960	354,111,751,290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6,206,853,495	3,048,137,641
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	205,523,823,465	351,063,613,649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	187,364,343,001	335,117,210,268
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>18,159,480,464</b>	<b>15,946,403,381</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8,949,113,276	8,894,273,613
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	11,728,833,640	9,004,052,003
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10,099,950,805	6,854,426,518
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	5,570,321,625	3,832,298,280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	5,941,698,816	9,293,252,934
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>3,867,739,659</b>	<b>2,711,073,777</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.9	643,361,049	2,934,040,285
12. Chi phí khác	32	VI.10	515,384,746	9,274,841
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>127,976,303</b>	<b>2,924,765,444</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3,995,715,962</b>	<b>5,635,839,221</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	-	1,455,572,899
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3,995,715,962</b>	<b>4,180,266,322</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.13</b>	<b>333</b>	<b>348</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Sơn

Ngày 10 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý: 2012/03

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	113,030,485,192	138,426,990,578	211,730,676,960	354,111,751,290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		2,819,031,591	1,022,353,395	6,206,853,495	3,048,137,641
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		110,211,453,601	137,404,637,183	205,523,823,465	351,063,613,649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	94,478,295,006	133,556,075,526	187,364,343,001	335,117,210,268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15,733,158,595	3,848,561,657	18,159,480,464	15,946,403,381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,511,573,596	3,465,117,689	8,949,113,276	8,894,273,613
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	3,732,490,997	3,804,439,236	11,728,833,640	9,004,052,003
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,811,167,026	3,015,601,066	10,099,950,805	6,854,426,518
8. Chi phí bán hàng	24		1,966,807,506	1,384,943,051	5,570,321,625	3,832,298,280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,223,617,199	3,146,755,620	5,941,698,816	9,293,252,934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10,321,816,489	(1,022,458,561)	3,867,739,659	2,711,073,777
11. Thu nhập khác	31		228,806,128	1,245,984,647	643,361,049	2,934,040,285
12. Chi phí khác	32		216,291,612	7,842,876	515,384,746	9,274,841
13. Lợi nhuận khác : ( 40 = 31 - 32 )	40		12,514,516	1,238,141,771	127,976,303	2,924,765,444
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : ( 50 = 30 + 40 )	50		10,334,331,005	215,683,210	3,995,715,962	5,635,839,221
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	63,629,804	-	1,455,572,899
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : ( 60 = 50 - 51 )	60		10,334,331,005	152,053,406	3,995,715,962	4,180,266,322
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		861	13	333	348

Kế toán trưởng

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2012

Giám đốc

MT GAS

Nguyễn Quang Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,995,715,962	5,635,839,221
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,909,210,823	3,202,702,423
- Các khoản dự phòng	03	(63,095,000)	122,700,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	33,068,265	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11,153,205,651)
- Chi phí lãi vay	06	10,099,950,805	6,854,426,518
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,974,850,855	4,662,462,511
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(34,398,541,985)	(41,637,660,710)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(9,648,795,827)	267,673,795
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	32,387,759,328	4,049,749,523
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	13,745,396,973	(4,900,932,268)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10,099,950,805)	(7,304,094,831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,345,767,475	9,119,079,167
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10,306,486,014</b>	<b>(35,743,722,813)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12,545,455)	(2,689,010,294)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21,020,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
		37,024,405,033	
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(100,000,000)	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	13,348,526,037	4,124,293,169
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>29,240,385,615</b>	<b>1,435,282,875</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(13,340,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160,265,453,874	145,115,700,046
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(193,500,929,136)	(103,723,896,527)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(33,235,475,262)</b>	<b>28,051,803,519</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>6,311,396,367</b>	<b>(6,256,636,419)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2,837,688,433</b>	<b>9,974,015,056</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>9,149,084,800</b>	<b>3,717,378,637</b>

Ngày 10 tháng 10 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Sơn

Tổng Giám đốc


  
 Nguyễn Quang Trung



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công Ty Cổ Phần MT Gas, tiền thân là Công ty TNHH MT Gas, được chuyển đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000179 ngày 12 tháng 2 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (Đăng ký thay đổi lần 5 theo giấy phép kinh doanh 1100480979 ngày 25 tháng 11 năm 2010). Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MT GAS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MT GAS).

**Trụ sở chính:** Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.**3. Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ, sản xuất và kinh doanh.**4. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), xăng dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông; Kinh doanh cảng biển, cảng sông.
- Mua bán vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp, thi công cầu đường, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà để ở để chuyển quyền sử dụng ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; San lấp mặt bằng; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng.

**5. Tổng số nhân viên đến cuối năm:** 83 người.**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền cuối tháng

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định mua mới bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
Tài sản khác	5 - 15 năm
Tài sản vô hình	6 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 20 năm
--------------------------	------------

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê nhà xưởng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí vô bình gas, và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.**

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**+ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.**

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

**+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn...).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD.

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC để xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá:

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</b>	<b>Xử lý kế toán theo VAS 10</b>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
	Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.	

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở phần thuyết minh số VII.2

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Tiền</b>	9,149,084,800	2,837,688,433
Tiền mặt	1,420,320,181	323,442,910
Tiền gửi ngân hàng VND	7,728,764,619	2,514,245,523
NGOẠI TỆ (USD)	7,728,764,619	2,465,983,368
		48,262,155
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	-	-
Tiền gửi kỳ hạn 2 tuần tại Ngân hàng NN&PTNT - Mạc Thị Bưởi	-	-
Tiền gửi kỳ hạn 2 tuần tại Ngân hàng BIDV - Gia Định	-	-
Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần tại Ngân hàng BIDV - SGD II	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9,149,084,800</b>	<b>2,837,688,433</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn****a. Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn**

Chứng khoán đầu tư	30/09/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	50	920,000	50	920,000
Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	8,000	404,000,000	8,000	404,000,000
Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh	29,000	860,000,000	29,000	860,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1,029,795,000)	-	(1,092,890,000)
<b>Cộng</b>	<b>37,050</b>	<b>235,125,000</b>	<b>37,050</b>	<b>172,030,000</b>

**b. Đầu tư ngắn hạn khác**

	30/09/2012	01/01/2012
Công Ty Cổ phần IMG Phước Đông (*)	9,893,771,411	15,000,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư IMG (**)	48,725,698,556	54,740,000,000
<b>Cộng</b>	<b>58,619,469,967</b>	<b>69,740,000,000</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/09/2012	01/01/2012
Phải thu của khách hàng	38,658,915,123	34,001,457,021
<i>Khách hàng trong nước</i>	38,658,915,123	34,001,457,021
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(314,365,807)	(314,365,807)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của khoản phải thu khách hàng.</b>	<b>38,344,549,316</b>	<b>33,687,091,214</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)**

Trả trước cho người bán	274,427,381	76,951,286
<i>Trả trước nhà cung cấp trong nước</i>	274,427,381	76,951,286
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7,421,492,543	9,596,779,196
<i>Lãi cho vay phải thu Công Ty Cổ phần IMG Phước Đông</i>	1,242,722,280	2,848,125,000
<i>Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần đầu tư IMG</i>	1,162,934,763	3,363,013,555
<i>Thuế GTGT chưa được khấu trừ</i>	39,359,656	361,801,708
<i>Bà Đặng Thị Hoài Thu (mua cổ phần dự án Phước Đông)</i>	2,346,031,659	2,346,031,659
<i>Hàng hóa gửi kho, trao đổi</i>	1,143,619,291	626,762,513
<i>Phải thu khác</i>	1,486,824,894	51,044,761
<b>Cộng</b>	<b>46,040,469,241</b>	<b>43,360,821,696</b>

**4. Hàng tồn kho**

	30/09/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	59,343,972	3,475,791,121
Thành phẩm	274,407,390	64,646,103
Hàng hoá (*)	15,640,844,732	2,785,363,044

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 18



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>15,974,596,095</b>	<b>6,325,800,268</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>15,974,596,095</b>	<b>6,325,800,268</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,284,152,244	411,216,006
Thuế GTGT được khấu trừ	171,007,605	6,584,514,202
Tài sản ngắn hạn khác	19,266,434,692	20,612,202,167
Tạm ứng	5,471,257,508	4,444,920,632
Ông Phạm Thế Cường	2,678,980,204	2,678,980,204
Tạm ứng cho Dự án KCN Tân Tập	1,239,222,215	1,239,222,215
Tạm ứng cho Công ty CP IMG Phước Đông	1,000,000,000	1,000,000,000
Các khoản khác	439,757,989	439,757,989
Các cá nhân CNV tạm ứng công tác khác	2,792,277,304	1,765,940,428
Ông Trần Vĩnh Hà	330,000,000	330,000,000
Các cá nhân khác	2,462,277,304	1,435,940,428
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13,528,525,276	15,948,339,976
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN. Phú Mỹ Hưng	225,000,000	188,123,700
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Sài Gòn	432,009,000	2,500,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN.	-	1,011,168,526
Đặt cọc tiền thuê đất tại Khu công Nghiệp Phước Đông).	12,216,047,750	12,216,047,750
Các khoản khác	655,468,526	33,000,000
Tài sản thiếu chờ xử lý	266,651,908	266,651,908
<b>Cộng</b>	<b>20,721,594,541</b>	<b>27,607,932,375</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình (xem phụ lục 1 trang 28)**

<b>7. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	201,191,977	201,191,977
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	201,191,977	201,191,977
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	76,850,854	76,850,854
Khấu hao trong kỳ	13,322,268	13,322,268
Số dư cuối kỳ	90,173,122	90,173,122
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	124,341,123	124,341,123
Số dư cuối kỳ	111,018,855	111,018,855

<b>8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
+ Công trình xây dựng nhà máy sản xuất bình chứa khí áp lực	-	12,671,027,646

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 19

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Chi phí đầu tư cho dự án Tân Tập	154,435,856	100,451,000
<b>Cộng</b>	<b>154,435,856</b>	<b>12,771,478,646</b>
<b>9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư</b>		
<b>10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (xem phụ lục 2 trang 29)</b>		
<b>11. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>67,587,362,559</b>	<b>65,314,722,223</b>
Thiết bị máy móc - văn phòng	27,039,081	75,338,058
Vỏ bình Gas	67,560,323,478	65,235,596,286
Chi phí Dự án S'CETPA"		-
Chi phí sửa chữa	-	3,787,879
Phi bảo lãnh PVGAS	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>354,934,600</b>	<b>354,934,600</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	354,934,600	354,934,600
Ký quỹ thuê văn phòng Công Ty CP Đầu Tư IMG	194,934,600	194,934,600
Ký quỹ thuê mặt bằng Công ty CP Cơ Khí XD Long An	160,000,000	160,000,000
<b>Cộng</b>	<b>67,942,297,159</b>	<b>65,669,656,823</b>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Vay ngắn hạn VND</b>	<b>63,980,512,818</b>	<b>79,801,557,700</b>
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Gia Định (1)	38,071,509,471	45,000,000,000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng	-	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh TP.HCM	-	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Sài Gòn (2)	25,909,003,347	29,901,557,700
Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)		4,900,000,000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>261,707,251</b>	<b>1,058,400,000</b>
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng	261,707,251	1,058,400,000
<b>Cộng</b>	<b>64,242,220,069</b>	<b>80,859,957,700</b>

**Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng**

Số hợp đồng	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời gian duy trì hạn mức	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 339/2011/HD, hạn mức 50 tỷ ngày 22/12/2010.	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng từ 26/12/2011	Theo từng lần nhận nợ	Thế chấp tài sản của bên thứ 3
(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 85.11.111.866662.T D.HM.DN - hạn mức 18 tỷ	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng từ 28/07/2011	Theo từng lần nhận nợ	Thế chấp tài sản là 184.530 vỏ bình gas, 10 bể chứa LPG, 7 xe tải chở gas, 1 xe sitec Trang 20

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1600 - LAV-201100754 - hạn mức 30 tỷ.	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng từ 11/08/2011	Theo từng lần nhận nợ	Thế chấp tài sản của bên thứ 3
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Thuế thu nhập cá nhân			67,236,792	49,418,393
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			441,358,478	344,003,969
Thuế GTGT đầu ra			31,103,347	-
Các loại thuế khác			840,336	2,340,336
<b>Cộng</b>			<b>540,538,953</b>	<b>395,762,698</b>
<b>14. Chi phí phải trả</b>			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí lãi vay			-	-
Chi phí quản lý			-	150,269,406
Chi phí khác			304,013,431	68,628,360
<b>Cộng</b>			<b>304,013,431</b>	<b>218,897,766</b>
<b>15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết			91,760,378	92,369,168
Kinh phí công đoàn			11,980,115	11,064,115
Bảo hiểm xã hội			36,106,327	53,302,071
Phải trả về cổ phần hoá			76,682,169	76,682,169
Gas dư nhập về phải trả cho khách hàng			-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác			178,869,611	10,970,856,125
<b>Cộng</b>			<b>395,398,600</b>	<b>11,204,273,648</b>
<b>16. Phải trả dài hạn khác</b>			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Nhận ký quỹ vỏ bình gas			34,423,450,914	31,993,249,332
<b>Cộng</b>			<b>34,423,450,914</b>	<b>31,993,249,332</b>
<b>17. Vay và nợ dài hạn</b>			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Phú Mỹ Hưng			2,646,025,000	2,646,025,000
<b>Cộng</b>			<b>2,646,025,000</b>	<b>2,646,025,000</b>

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng

Số hợp đồng	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời gian vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
-------------	--------------------------	---------------	----------	-------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Hợp đồng tín dụng số 22379/HĐTD/TH-PN/TCB-PMH ngày 30/05/2010 - số tiền vay 5.250.000.000 đồng	Thanh toán LC nhập khẩu	60 tháng từ ngày 11/06/2010	Theo từng lần nhận nợ	Thế chấp tài sản của Công ty với tổng giá trị 3.957.858.160 đồng
--	-------------------------	-----------------------------	-----------------------	--

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/09/2012	01/01/2012
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1,208,553,825</b>	<b>1,208,553,825</b>
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1,208,553,825	2,282,162,352
- Khoản hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.		(1,073,608,527)
<b>Cộng</b>	<b>1,208,553,825</b>	<b>1,208,553,825</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem phụ lục 2 trang số 30)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2012	01/01/2012
Ông Lê Tự Minh	31.56%	37,875,000,000	37,875,000,000
Bà Vũ Thị Kim Quy	2.50%	3,000,000,000	3,000,000,000
Các cổ đông khác	65.94%	79,124,950,000	79,124,950,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>119,999,950,000</b>	<b>119,999,950,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu****và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	119,999,950,000	119,999,950,000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	119,999,950,000	119,999,950,000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	119,999,950,000	119,999,950,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29,137,500	4,129,053,600

**d. Cổ phiếu**

	30/09/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,000,000	12,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,999,995	11,999,995
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,999,995	11,999,995
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,999,995	11,999,995

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 22

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cổ phiếu phổ thông	11,999,995	11,999,995
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Quỹ đầu tư phát triển	795,981,086	795,981,086
Quỹ dự phòng tài chính	1,193,971,629	1,193,971,629
Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	530,654,057	530,654,057
<b>Cộng</b>	<b>2,520,606,772</b>	<b>2,520,606,772</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	208,723,254,633	352,629,621,221
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,007,422,327	1,482,130,069
<b>Cộng</b>	<b>211,730,676,960</b>	<b>354,111,751,290</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	3,799,135,513	2,394,379,242
Giảm giá hàng bán	2,407,717,982	653,758,399
<b>Cộng</b>	<b>6,206,853,495</b>	<b>3,048,137,641</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	202,516,401,138	349,581,483,580
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,007,422,327	1,482,130,069
<b>Cộng</b>	<b>205,523,823,465</b>	<b>351,063,613,649</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	187,364,343,001	334,773,084,028
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		344,126,240
<b>Cộng</b>	<b>187,364,343,001</b>	<b>335,117,210,268</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi NH	54,180,489	8,702,127,613
Thu thập chuyển nhượng một phần vốn góp		
Lãi bán chứng khoán Của Công ty Chứng Khoán Hải Phòng		
Lãi cho Công ty CP. IMG Phước Đông Vay	6,695,926,565	
Lãi cho Công ty CP. Đầu Tư IMG vay	2,169,747,527	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16,000,000	16,000,000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 23

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		50,146,000
Doanh thu tài chính khác	13,258,695	126,000,000
<b>Cộng</b>	<b>8,949,113,276</b>	<b>8,894,273,613</b>
	<b>Từ 01/01/2012 đến</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	10,099,950,805	6,854,426,518
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63,516,850	209,358,517
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chi phí mượn tài sản thế chấp	537,500,000	1,125,000,001
Chi phí môi giới chứng khoán		
Phí bảo lãnh	419,723,134	621,600,538
Lỗ do mua bán chứng khoán		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		122,700,000
Phí quản lý tài sản vay		
Chi phí tài chính khác	608,142,851	70,966,429
<b>Cộng</b>	<b>11,728,833,640</b>	<b>9,004,052,003</b>
	<b>Từ 01/01/2012 đến</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1,465,355,004	1,199,678,572
Chi phí vật liệu bao bì		8,980,000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,630,681	6,907,196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,882,725,524	2,410,271,285
Chi phí bằng tiền khác	218,610,416	206,461,227
<b>Cộng</b>	<b>5,570,321,625</b>	<b>3,832,298,280</b>
	<b>Từ 01/01/2012 đến</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
<b>8. Chi phí quảng lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1,759,884,231	1,892,550,715
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9,517,363	17,285,591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,678,874,265	2,560,870,750
Thuế phí và lệ phí	4,868,846	39,223,741
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,014,254,681	3,331,525,343
Chi phí bằng tiền khác	474,299,430	1,451,796,794
<b>Cộng</b>	<b>5,941,698,816</b>	<b>9,293,252,934</b>
	<b>Từ 01/01/2012 đến</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>		
Phân bổ tiền ký quỹ vỏ bình gas	-	2,435,078,038
Thu thanh lý tài sản cố định, dụng cụ văn phòng		27,272,727
Thu phí đảm bảo hợp đồng vay		75,000,000
Thu bồi thường thất thoát Gas		
Thu hồi chi phí mượn tài sản thế chấp	378,409,091	
Thu lãi chậm thanh toán nợ quá hạn	133,750,000	375,712,187
Khác	131,201,958	20,977,333

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cộng	643,361,049	2,934,040,285
	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>10. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	515,384,746	1,431,965
<b>Cộng</b>	<b>515,384,746</b>	<b>1,431,965</b>
	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3,995,715,962</b>	<b>5,635,839,221</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:</b>	<b>157,870,424</b>	<b>186,452,376</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	173,870,424	202,452,376
+ Chi phí không hợp lệ	173,870,424	202,452,376
- Các khoản điều chỉnh giảm	(16,000,000)	(16,000,000)
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	(16,000,000)	(16,000,000)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>4,153,586,386</b>	<b>5,822,291,597</b>
<b>4. Chuyển lỗ từ năm trước sang</b>	<b>(4,153,586,386)</b>	<b>(5,822,291,597)</b>
<b>5. Khấu trừ thuế TNDN từ khoản lỗ năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay</b>		<b>(1,455,572,899)</b>
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	-	-
	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
-Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(1,455,572,899)
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	-	<b>(1,455,572,899)</b>
	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,995,715,962	4,180,266,322
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	3,995,715,962	4,180,266,322
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11,999,995	11,999,995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	333	348

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty Cổ Phần Đầu Tư IMG  
 Công ty Cổ Phần IMG Phước Đông

**Mối quan hệ**

Cùng chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
 Đầu tư dài hạn

Trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Nội dung giao dịch**

Từ 01/01/2012 đến  
 30/09/2012

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư IMG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho vay ngắn hạn	21,120,000,000
Tiền cho vay đã được hoàn trả	27,134,301,444
Lãi cho vay phải thu	7,196,055,577
Tiền lãi cho vay đã thu	9,408,401,037
Cung cấp dịch vụ	2,119,192,942
Tiền cung cấp dịch vụ đã được thanh toán	2,771,496,272

**Công ty Cổ Phần IMG Phước Đông**

Lãi cho vay phải thu	2,334,722,280
Tiền lãi đã thu	3,940,125,000
Cung cấp dịch vụ	14,297,598,740
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	14,728,793,975

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

**Nội dung giao dịch**

30/09/2012

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư IMG**

Tiền vay ngắn hạn phải thu	48,725,698,556
Lãi vay phải thu	1,162,934,763
Tiền tạm ứng phải thu	
Tiền mua dịch vụ phải trả	228,844,570

**Công ty Cổ Phần IMG Phước Đông**

Tiền vay ngắn hạn phải thu	9,893,771,411
Lãi vay phải thu	1,242,722,280
Tiền cung cấp dịch vụ phải thu	206,304,765

Kế toán trưởng



Nguyễn Sơn



Ngày 10 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc


  
Nguyễn Quang Trung



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phụ lục 1****6. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	46,515,046,264	4,813,562,529	119,318,191	5,221,574,107	2,405,470,272	59,074,971,363
Mua trong kỳ	-	-	12,545,455	-	-	12,545,455
Tăng chuyển từ BDS	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập BDS	6,615,000,000	-	-	-	-	6,615,000,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	39,900,046,264	4,813,562,529	131,863,646	5,221,574,107	2,405,470,272	52,472,516,818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	12,508,489,529	1,610,966,888	17,400,572	1,998,586,983	1,257,639,004	17,393,082,976
Khấu hao trong kỳ	1,786,715,672	386,104,274	11,708,810	545,555,431	165,804,368	2,895,888,555
Hoàn nhập BDS	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	2,341,069,243	-	-	-	-	2,341,069,243
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11,954,135,958	1,997,071,162	29,109,382	2,544,142,414	1,423,443,372	17,947,902,288
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	34,006,556,735	3,202,595,641	101,917,619	3,222,987,124	1,147,831,268	41,681,888,387
Số dư cuối kỳ	27,945,910,306	2,816,491,367	102,754,264	2,677,431,693	982,026,900	34,524,614,530

**(\*) Ghi chú:**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

- Giá trị còn lại của TSCDHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 410.650.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh PGD Nguyễn Tri Phương theo các hợp đồng hạn mức số 85.11.111.866662.TD.HM.DN - hạn mức 18 tỷ

- Nguyên giá tài sản có định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phụ lục 3****19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	119,999,950,000	21,475,046,700	530,654,057	795,981,086	1,193,971,629	-	4,335,580,334	148,331,183,806
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3,028,863,206	3,028,863,206
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-	-	(47,710,349)	-	(47,710,349)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(4,129,053,600)	(4,129,053,600)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	119,999,950,000	21,475,046,700	530,654,057	795,981,086	1,193,971,629	(47,710,349)	3,235,389,940	147,183,283,063
<b>Số dư đầu năm nay</b>	119,999,950,000	21,475,046,700	530,654,057	795,981,086	1,193,971,629	(47,710,349)	3,235,389,940	147,183,283,063
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3,995,715,962	3,995,715,962
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-	-	33,068,265	-	33,068,265
Điều chỉnh lợi nhuận sau khi thanh, kiểm tra thuế của CQ Thuế	-	-	-	-	-	-	(1,688,811,169)	(1,688,811,169)
Trích thường CB CNV và thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(451,102,474)	(451,102,474)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(29,137,500)	(29,137,500)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	119,999,950,000	21,475,046,700	530,654,057	795,981,086	1,193,971,629	(14,642,084)	5,062,054,759	149,043,016,147

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**PHỤ LỤC 2****10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>30/09/2012</u>		<u>01/01/2012</u>		
	Tỷ lệ góp vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty TNHH MTV Bình Khí MT (1)	100%	-	20,000,000,000		
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>					
Công Ty CP IMG Phước Đông (*)	18.62%	5,585,397	23,484,490,193	5,585,397	23,484,490,193
Công Ty CP ACC Thăng Long (**)	8.06%	48,360	2,131,216,068	48,360	2,131,216,068
Công ty CP khách sạn hàng không.(***)	10.00%	960,000	13,440,000,000	960,000	13,440,000,000
Công Ty Cổ phần Năng lượng VinaBenny .		-	480,000,000	-	480,000,000
<b>Cộng</b>			<b>59,535,706,261</b>		<b>39,535,706,261</b>

**Ghi chú:**

(\*)- Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần IMG Phước Đông ( tiền thân là công ty Bất Sản Phước Đông ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ  
 (\*\*)- Đầu tư vào Công ty Cổ Phần ACC Thăng Long ( tiền thân là công ty CP Tower Thăng Long ) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022313 ngày  
 (\*\*\*)- Đầu tư vào Công ty Cổ Phần Khách Sạn Hàng Không theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP số 0304227037 ngày 07/12//2006.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phụ lục 4****15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			
	30/09/2012		01/01/2012	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Các khoản cho vay	58,619,469,967	-	69,740,000,000	-
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	40,800,626,261	(1,029,795,000)	40,800,626,261	(1,092,890,000)
- Phải thu khách hàng	38,658,915,123	-	34,001,457,021	-
- Phải thu khác	4,751,688,702	-	8,557,170,214	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9,149,084,800	-	2,837,688,433	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151,979,784,853</b>	<b>(1,029,795,000)</b>	<b>155,936,941,929</b>	<b>(1,092,890,000)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	66,888,245,069	-	83,505,982,700	-
- Phải trả người bán	61,491,395,813	-	35,777,537,263	-
- Phải trả khác	34,727,464,345	-	32,212,147,098	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163,107,105,227</b>	<b>-</b>	<b>151,495,667,061</b>	<b>-</b>
			<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
			<b>150,949,989,853</b>	<b>154,844,051,929</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi số của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Phụ lục 4 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 30 tháng 06 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

